

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2020

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991; Trú tại: thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1986; Trú tại: thôn 2, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn T có thời gian tìm hiểu và hai người tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh T ở xã L, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và hòa thuận, đến cuối năm 2013 anh T thường

xuân chửi bới, đánh đập xúc phạm chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà, chị đã nhờ đến chính quyền địa phương để hòa giải nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình. Cuối năm 2013 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị mong muốn được ly hôn với anh Trần Văn T để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống giữa chị và anh T có một con chung tên là Trần Thái S, sinh ngày 07/5/2013, hiện tại cháu đang sống cùng với chị T nên chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Ngày 01/7/2020 chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do hoàn cảnh gia đình ở xa, công việc không nghỉ được để tham gia phiên tòa, trong đơn chị giữ nguyên quan điểm của mình về nội dung đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về tình cảm áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T; Về con chung: áp dụng Điều 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Thái S, sinh ngày 07/5/2013 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh Trần Văn T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã L kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho gia đình anh T.

Theo kết quả xác minh ngày 24/7/2020 bà Hoàng Thị K là mẹ đẻ của anh Trần Văn T cho biết, gia đình đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã trực tiếp thông báo cho anh Tuấn biết, tuy nhiên anh T hiện nay đang đi làm ăn và anh T thường hay đau ốm nên không thể về để giải quyết vụ án, gia đình không biết địa chỉ cụ thể nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh T vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh Tuấn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T vẫn không có mặt. Điều này chứng tỏ anh T không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, việc chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T.

Quan hệ con chung: Xét thấy, cháu Trần Thái S, sinh ngày 07/5/2013, hiện tại cháu đang sống cùng với chị T và chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, vì vậy áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung vì vậy không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Tám phải nộp án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Trần Văn T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Trần Văn T.
3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Trần Thái S, sinh ngày 07/5/2013 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm con, không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản và công nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị Tám phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số thu số 0007379 ngày 05/6/2020. Chị Tám đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Phù Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương